TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 15 tháng 02 năm 2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

1. Ông Nguyễn Mạnh Trường.

2. Ông Cao Trung Kiên.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1994; Trú tại: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai và Biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã Trực Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 27/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng

10/2021 vợ chồng sống ly thân, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Bảo K, sinh ngày 06/10/2019, hiện nay con chung đang ở với chị T. Chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn là anh Hoàng Văn H trình bày:

Anh xác nhận lời khai của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và con chung giữa hai vợ chồng là đúng. Anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không mâu thuẫn, vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau. Anh không đề nghị giải quyết về con chung. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

- Anh H: Đồng ý ly hôn với chị T; Anh đề nghị giải quyết về con chung là cháu Hoàng Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 theo quy định của pháp luật; Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Hoàng Văn H. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung

1. Về tình cảm: Chị Lê Thị Hồng T kết hôn với anh Hoàng Văn H vào ngày 27/11/2018 tại UBND xã Trực Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, chị T và anh H chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và đang ở với chị T. HĐXX xét thấy: Hiện nay chị T có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Từ trước đến nay cháu K vẫn ở cùng với chị T, do đó để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên cần giao cháu Hoàng Bảo K cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật.

Việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 (*hiện nay cháu K đang ở với chị T)*. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Hoàng Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Lê Thị Hồng T nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002119 ngày 24/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Hồng T và anh Hoàng Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Trực Hùng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng